

Xin hãy mua tài liệu từ tài khoản chính chủ

MỤC LỤC CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Bảng viết tắt

| | |
|--------------------|-------|
| Tư bản chủ nghĩa | TBCN |
| Xã hội chủ nghĩa | XHCN |
| Cộng sản chủ nghĩa | CSCN |
| Chủ nghĩa tư bản | CNTB |
| Chủ nghĩa cộng sản | CNCS |
| Chủ nghĩa xã hội | CNXH |
| Lực lượng sản xuất | LLSX |
| Quan hệ sản xuất | QHSX |
| Tư liệu sản xuất | TL SX |

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (trang 11)

I. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (TRANG 11)

1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học (trang 12)

a) Điều kiện kinh tế - xã hội (trang 12)

- Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, nền đại công nghiệp phát triển làm cho phương thức sản xuất TBCN phát triển vượt bậc **“Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị...trước kia gặp lại”**. Đây chính là nguyên nhân làm xuất hiện mâu thuẫn quyết liệt giữa LLSX và QHSX (trang 13)
- Sự ra đời của hai giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, dẫn đến cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản (trang 13)
- Sự lớn mạnh của phong trào công nhân đòi hỏi phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam (trang 14)

b) Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận (trang 14)

❖ **Tiền đề khoa học tự nhiên (trang 14):** Học thuyết tiến hóa, Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, Học thuyết tế bào

❖ **Tiền đề tư tưởng lý luận (trang 15):**

- Triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán
- Lênin nhận xét: **“CNXH không tưởng không thể vạch ra được... người sáng tạo ra xã hội mới”** (cuối trang 16 – đầu trang 17)

2. Vai trò của C.Mác và Ăngghen (trang 17)

Những điều kiện kinh tế - xã hội và những tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận là **điều kiện cần**, vai trò của C.Mác và Ăngghen là **điều kiện đủ** (trang 17)

a) Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị (trang 18)

- **C.Mác:** từ cuối năm 1843 đến tháng Giêng năm 1844: thông qua Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen – Lời nói đầu (1844): chuyển từ duy tâm sang duy vật, từ dân chủ cách mạng sang CSCN (trang 18)
- **Ăngghen:** năm 1843: Tình cảnh nước Anh, Lược khảo khoa học kinh tế - chính trị: chuyển từ... (trang 18)

b) Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ăngghen (trang 19)

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử (trang 19)
- Học thuyết về giá trị thặng dư (trang 19 - 20)
- Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân (trang 20)

c) Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của CNXHKKH (trang 20)

- Tháng 2 năm 1848, tác phẩm Tuyên ngôn Đảng Cộng sản được công bố trước toàn thế giới (cuối trang 20)

II. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (trang 22)

1. C.Mác và Ăngghen phát triển CNXHKKH (trang 22)

a) Thời kỳ từ năm 1848 đến Công xã Paris (1871) (trang 22)

- Bộ Tư bản được xuất bản (1867) (trang 22)
- “Bộ Tư bản – tác phẩm chủ yếu và cơ bản ấy trình bày CNXHKKH” (trang 23)

b) Thời kỳ sau Công xã Paris đến năm 1895 (trang 23)

- Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Paris, C.Mác và Ăngghen đã phát triển toàn diện CNXHKKH (trang 23)

2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới (trang 25)

- Công lao của C.Mác và Ăngghen là phát triển CNXH không tưởng thành CNXHKKH thì công lao của V.I.Lênin là xây dựng CNXH hiện thực (trang 26)

a) Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga (trang 26)

b) Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924

- Những nguyên lý của CNXHKKH trong thời kỳ mới: chuyên chính vô sản (trang 28), thời kỳ quá độ chính trị từ CNTB lên CNXH (trang 29), chế độ dân chủ (trang 29), cải cách hành chính bộ máy nhà nước (trang 29)
- V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh: Trong thời kỳ quá độ lên thời kỳ CNXH, cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (cuối trang 30)
- Ba nguyên tắc cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc (cuối trang 30)

3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời (trang 31)

a) Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991 (trang 31 – 33)

- Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp ở Mátxcova vào tháng Giêng năm 1960 đưa ra khái niệm về “thời đại hiện nay”

b) Từ năm 1991 đến nay (trang 33 – 39)

- Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ khi thành lập đến nay đã trải qua ba thời kỳ lớn: Cách mạng, xây dựng và cải cách, mở cửa (trang 34)
- Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI (1986) đã đạt được những thành tựu to lớn (trang 35 – 36)
- **Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới (trang 37)**

III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (trang 39)

1. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH (trang 39)

- Nghiên cứu, luận chứng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện, những con đường để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình (đầu trang 40)
- CNXHKKH là khoa học chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ CNTB lên CNXH bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (cuối trang 40)
- CNXHKKH hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh trong 3 thời kỳ (đầu trang 41)
- Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH là: dòng in nghiêng cuối trang 42

2. Phương pháp nghiên cứu CNXHKKH (trang 43)

- CNXHKKH sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử (đầu trang 43)
- Những phương pháp nghiên cứu cụ thể và những phương pháp nghiên cứu liên ngành, tổng hợp là:
 - + Phương pháp kết hợp lịch sử và logic (trang 43): Đây là phương pháp đặc trưng và đặc biệt quan trọng
 - + Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể (trang 44)
 - + Phương pháp so sánh (đầu trang 45)
 - + Các phương pháp có tính liên ngành (trang 45)

3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH (trang 46)

a) Về mặt lý luận (trang 46 - 47)

b) Về mặt thực tiễn (trang 47 – 49)

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (trang 51)

I. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (trang 52)

1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân (trang 52)

a) Khái niệm giai cấp công nhân (trang 52)

- Giai cấp công nhân – con đẻ của nền đại công nghiệp TBCN, giai cấp đại biểu cho LLSX tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại (trang 52)
- Giai cấp công nhân được xác định trên hai phương diện cơ bản:
 - + Phương diện kinh tế - xã hội:
 - Giai cấp công nhân là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp ... xã hội hóa cao (trang 53)
 - Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản: “các giai cấp khác đều suy tàn tiêu vong...”, “...Công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại” (trang 53)
 - + Phương diện chính trị - xã hội:
 - Giai cấp công nhân là sản phẩm của quá trình phát triển TBCN (đầu trang 54)
 - Là giai cấp của người lao động không sở hữu TLSX chủ yếu của xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư (trang 54)
 - Khái niệm giai cấp công nhân: Phần in nghiêng giữa trang 55

b) Đặc điểm của giai cấp công nhân (trang 55)

- **Đặc điểm nổi bật:** lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa (trang 56)
- Là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại (trang 56)
- Một giai cấp cách mạng có tinh thần cách mạng triệt để (trang 56)

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (trang 56)

- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (cuối trang 56 – đầu trang 57)
- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện trên ba nội dung cơ bản là:
 - + Nội dung kinh tế (trang 57):

Xin hãy mua tài liệu từ tài khoản chính chủ

- Giai cấp công nhân là đại biểu cho QHSX mới, sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội (trang 57)
- Ở các nước XHCN, giai cấp công nhân thông qua **quá trình công nghiệp hóa** để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu,... (trang 58)
- Giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng LLSX,... (trang 58)
- + Nội dung chính trị - xã hội (trang 58):
 - Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị (trang 58)
 - Thiết lập nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ XHCN (trang 58)
 - Sử dụng nhà nước như một công cụ để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới (đầu trang 59)
- + Nội dung văn hóa – tư tưởng (trang 59)
 - Tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do (trang 59)
 - Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới XHCN,... là một trong những nội dung căn bản (cuối trang 59)

3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (trang 60)

a) Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (trang 60)

C.Mác và Ăngghen đã nêu rõ: "Cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp... **giai cấp tư sản sản sinh ra những người đào huyệt chôn chính nó**..." (đầu trang 60)

- Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:
 - + Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân (trang 60)
 - Giai cấp công nhân là con đẻ, sản phẩm của nền đại công nghiệp, có tính xã hội hóa ngày càng cao, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại (trang 60)
 - Giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ QHSX TBCN, giành chính quyền về tay mình (đầu trang 61)
 - + Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định:
 - Giai cấp công nhân có những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng (trang 61)
- Tóm lại, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sẽ được thực hiện bởi vì (trang 62)
- Đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân là (trang 62)
- b) Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử (trang 62)**
 - Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng (cuối trang 62)
 - + Để phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, phải đặc biệt chú ý đến hai biện pháp cơ bản (trang 63)
 - **Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất** để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình (trang 63)
 - + Quy luật chung phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản: CNXHKKH (chủ nghĩa Mác – Lênin) + phong trào công nhân. Tuy nhiên ở VN là: Chủ nghĩa Mác – Lênin + phong trào công nhân + phong trào yêu nước (trang 64)

- + Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng Cộng sản (trang 64)
- Ngoài ra cần có: **sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác** (cuối trang 64)

II. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY (trang 65)

1. Giai cấp công nhân hiện nay (trang 65)

a) Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX (trang 65)

- Vẫn là LLSX hàng đầu của xã hội hiện đại (trang 65)
- Lực lượng lao động bằng **phương thức công nghiệp chiếm tỷ lệ cao ở mức tuyệt đối** ở những nước có trình độ phát triển cao về kinh tế (cuối trang 65)
- **Công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khách quan** để giai cấp công nhân hiện đại phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng (đầu trang 66)

b) Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại (trang 67)

- Xu hướng trí tuệ hóa tăng nhanh (trang 67)
- Xu hướng trung lưu hóa gia tăng (trang 67)
 - + Một bộ phận công nhân đã tham gia sở hữu một lượng TLSX của xã hội thông qua **chế độ cổ phần hóa** (cuối trang 67)
 - + Tuy nhiên, quyền định đoạt quá trình sản xuất, quyền quyết định cơ chế phân phối lợi nhuận vẫn thuộc về giai cấp tư sản (trang 68)

2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay (trang 69)

a) Nội dung kinh tế (trang 69)

- Sự phát triển sản xuất của CNTB trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động trình độ cao lại chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề CNXH trong lòng CNTB (trang 69)

b) Nội dung chính trị - xã hội (trang 70)

- Ở các nước TBCN: mục tiêu trực tiếp: chống bắt công và bất bình đẳng; mục tiêu lâu dài: giành chính quyền (trang 70)
- Ở các nước XHCN: lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ, xây dựng Đảng vững mạnh (trang 70)

c) Nội dung văn hóa – tư tưởng (trang 70)

- Trước hết là **cuộc đấu tranh ý thức hệ**, đó là cuộc đấu tranh giữa CNXH với CNTB (trang 70)
- Đấu tranh để bảo vệ ... là nội dung sứ mệnh lịch sử hiện nay về văn hóa tư tưởng (cuối trang 71)

III. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (trang 72)

1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam (trang 72)

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam (trang 72)
- Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau:
 - + Ra đời trước giai cấp tư sản, vào đầu thế kỷ XX, ở một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến (trang 72)
 - + Giai cấp công nhân là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (trang 72)
 - + Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với tầng lớp nhân dân trong xã hội (trang 74)

- Những biến đổi của giai cấp công nhân (trang 75 – 76)
 - + Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng (trang 75)
 - + Đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo (trang 75)
 - + Công nhân tri thức và công nhân trẻ là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn (trang 75)

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay (trang 76)

a) Nội dung kinh tế (trang 77)

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (trang 77)
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện để giai cấp công nhân Việt Nam khắc phục những nhược điểm hạn chế vốn có (trang 78)

b) Nội dung chính trị - xã hội (trang 79)

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
- “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân... cán bộ, đảng viên”
- “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng... “tự chuyển biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”

c) Nội dung văn hóa, tư tưởng (trang 79 -80)

3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân hiện nay (trang 80)

a) Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay (trang 80)

- Đại hội lần thứ X:
 - + “... nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...” (trang 80)
 - + “... Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế...” (trang 81)
- Đại hội đại biểu lần thứ XIII:
 - + “Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị... Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (trang 82)

b) Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay (trang 83 - 84)

- Một là, nâng cao nhận thức, kiên định...
- Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh,...
- Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng...
- Bốn là, đào tạo bồi dưỡng
- Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là ... sự tham gia đóng góp tích cực của **người sử dụng lao động** (trang 84)

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 86)

I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 86)

CNXHKH được tiếp cận dưới các góc độ: 1) phong trào thực tiễn, đấu tranh; 2) trào lưu tư tưởng, lý luận; 3) khoa học; 4) chế độ xã hội tốt đẹp (cuối trang 86 – đầu trang 87)

1. CNXH, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (trang 87)

- Tính tất yếu sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội TBCN bằng hình thái kinh tế xã hội CSCN, đó là quá trình **lịch sử - tự nhiên** (cuối trang 87)
- Sự thay thế này xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng là **sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân**
- Hình thái kinh tế - xã hội CSCN phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn: **giai đoạn thấp và giai đoạn cao**; giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản (trang 88)
- Về xã hội của thời kỳ quá độ. C.Mác cho rằng đó là xã hội vừa **thoát thai từ xã hội TBCN, về mọi phương diện – kinh tế, đạo đức, tinh thần còn mang những dấu vết của xã hội cũ** (đầu trang 89)
- Thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS được hiểu theo hai nghĩa: (trang 89)
 - + Với các nước *chưa trải qua* CNTB phát triển: thời kỳ quá độ khá lâu dài, theo Lênin ví như **“những cơn đau đẻ kéo dài”**
 - + Với những nước *đã trải qua* CNTB phát triển: cần có một thời kỳ quá độ nhất định, thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNCS

2. Điều kiện ra đời của CNXH (trang 90)

a) Điều kiện kinh tế (trang 90)

- LLSX phát triển đến một mức độ nhất định, càng mang tính xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với QHSX TBCN dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN (trang 91)

=> Đây là mâu thuẫn kinh tế cơ bản của CNTB

b) Điều kiện chính trị - xã hội (trang 91)

- Mâu thuẫn kinh tế cơ bản biểu hiện thành mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời (trang 91)
- Cùng với sự phát triển nền công nghiệp đại cơ khí, là sự trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân, đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng công sản (trang 91 – 92)

=> Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội CSCN

- Khái niệm cách mạng vô sản, hình thái kinh tế - xã hội CSCN chỉ có thể được hình thành thông qua cách mạng vô sản (trang 92)

3. Những đặc trưng bản chất của CNXH

- CNXH giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện (trang 93)
- CNXH có nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và chế độ công hữu về TLSX chủ yếu (trang 95)
 - + Mục tiêu cao nhất của CNXH là giải phóng con người...của LLSX (cuối trang 95 – đầu trang 96)

Xin hãy mua tài liệu từ tài khoản chính chủ

- CNXH là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ (trang 98): Đây là đặc trưng thể hiện **thuộc tính bản chất** của CNXH
- CNXH có nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động (trang 98)
 - + Các nhà sáng lập ra CNXHKKH đã khẳng định: trong CNXH phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, **nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân**, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động (đầu trang 99)
- CNXH có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại (trang 100)
 - + Trong CNXH, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội (đầu trang 100)
- CNXH bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới (trang 101)
 - + Theo quan điểm của các nhà sáng lập ra CNXHKKH, giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp phải tuân theo nguyên tắc: **“xóa bỏ tình trạng người bóc lột người... xóa bỏ”** (trang 101)
 - + Cương lĩnh về vấn đề dân tộc của Lênin: **“Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng... các dân tộc lại”** (cuối trang 101 – đầu trang 102)
 - + Khẩu hiệu của Lênin: **“Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”**

II. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 104)

1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH (trang 104)

- Theo Mác **“Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia.”** Thời kỳ này có tên gọi là thời kỳ quá độ (trang 104)
- Tất yếu vì: xuất phát từ mong muốn có một xã hội tốt đẹp của nhân dân, nhưng điều này không thể thực hiện ngay được, bởi vì giai cấp vô sản cần có thời gian để cải tạo xã hội cũ do giai cấp bóc lột dựng lên và xây dựng nền móng ấy lâu dài của CNXH (trang 105)
- Có **hai loại quá độ** từ CNTB lên CNCS: (trang 105)
 - + Quá độ trực tiếp: đối với những nước đã trải qua CNTB phát triển (cho đến nay điều này chưa từng diễn ra)
 - + Quá độ gián tiếp: đối với những nước chưa trải qua CNTB phát triển

2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH (trang 107)

Đặc điểm cơ bản là: thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội TBCN trên tất cả các lĩnh vực...(trang 107)

Thời kỳ quá độ bắt đầu từ khi giai cấp công nhân giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công XHCN (trang 107)

a) Trên lĩnh vực kinh tế (trang 107)

- Tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập (trang 107)
- Lênin cho rằng thời kỳ quá độ tồn tại rõ 5 thành phần kinh tế (trang 108)

b) Trên lĩnh vực chính trị (trang 108)

- Thiết lập tăng cường nền chuyên chính vô sản, thực chất là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp (trang 108)

c) Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa (trang 109)

- Tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng tư sản và tư tưởng vô sản (trang 109)

d) Trên lĩnh vực xã hội (trang 109)

- Tồn tại nhiều giai cấp tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, các giai cấp tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau (trang 109)

III. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (trang 109)

1. Đặc điểm quá độ lên CNXH ở Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN (trang 109)

- Bối cảnh Việt Nam tiến lên CNXH (trang 110):
 - + Xuất phát từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, LLSX thấp kém
 - + Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ
 - + Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH
- Tư tưởng quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN của Đảng ta được hiểu như sau:
 - + Thứ nhất, là con đường cách mạng tất yếu khách quan (trang 111)
 - + Thứ hai, là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của QHSX và kiến trúc thượng tầng TBCN (cuối trang 111)
 - + Thứ ba, đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới CNTB (trang 112)
 - + Thứ tư, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực (trang 112)

2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay (trang 112)

a) Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam (trang 112)

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991), đã xác định mô hình CNXH ở nước ta với **sáu đặc trưng** (trang 113)
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình CNXH Việt Nam với **tám đặc trưng** cơ bản (đầu trang 114)

b) Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay (trang 114)

- Tại đại hội XI, Đảng ta đã xác định tám phương hướng, đó là: (đầu trang 117)
- Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng đã yêu cầu phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt **tám mối quan hệ** lớn (cuối trang 117 – đầu trang 118)
- Đại hội XIII đã xác định những **mục tiêu cụ thể** để nước ta phát triển theo định hướng XHCN là (trang 118)
- Để thực hiện tốt mục tiêu trên, cần phải thực hiện **12 định hướng** phát triển gồm (trang 119 – 124)

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (trang 125)

I. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (trang 125)

1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ (trang 125)

a) Quan niệm về dân chủ (trang 125 – 130)

- Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỷ VII – VI trước công nguyên. Theo đó dân chủ được hiểu là: *nhân dân cai trị, quyền lực của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân* (đầu trang 126)
- Điểm khác biệt cơ bản giữa cách hiểu về dân chủ thời cổ đại và hiện nay là (đầu trang 126)
- Dân chủ có một số nội dung cơ bản sau:

Xin hãy mua tài liệu từ tài khoản chính chủ

- + Thứ nhất, về phương diện **quyền lực**, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước (cuối trang 126)
- + Thứ hai, về phương diện **chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị**, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ (trang 127)
- + Thứ ba, trên phương diện **tổ chức và quản lý xã hội**, dân chủ là một nguyên tắc – nguyên tắc dân chủ (trang 127)
- Dân chủ với tư cách là hình thức tổ chức thiết chế chính trị, hình thái nhà nước là **phạm trù lịch sử**. Dân chủ với tư cách là một giá trị xã hội, là **phạm trù vĩnh viễn** (trang 127)
- Đảng ta đã khẳng định: “... quán triệt tư tưởng **lấy dân làm gốc**...” (trang 129). “... **Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật đảm bảo**” (đầu trang 130)
- Khái niệm dân chủ (đầu trang 130)

b) Sự ra đời, phát triển của dân chủ (trang 130 - 132)

Cho đến nay có ba chế độ dân chủ: nền dân chủ chủ nô, nền dân chủ tư sản, nền dân chủ XHCN (trang 132)

Muốn biết một nhà nước dân chủ có thực sự dân chủ hay không, phải xem trong nhà nước ấy *dân là ai và bản chất của chế độ xã hội ấy như thế nào* (trang 132)

2. Dân chủ XHCN (trang 132)

a) Quá trình ra đời của nền dân chủ XHCN (trang 132)

- Dân chủ XHCN được phôi thai từ đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Paris năm 1871, tuy nhiên đến khi **Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, nền dân chủ XHCN mới được xác lập** (trang 133)
- Quá trình phát triển của nền dân chủ XHCN là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện; có sự kế thừa một cách chọn lọc giá trị của các nền dân chủ trước đó, trước hết là **nền dân chủ tư sản** (cuối trang 133)
- Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ XHCN: không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng những người lao động... **Càng hoàn thiện bao nhiêu, nền dân chủ XHCN lại càng tự tiêu vong bấy nhiêu** (đầu trang 134)
- Khái niệm dân chủ XHCN: phần in nghiêng cuối trang 134

b) Bản chất của nền dân chủ XHCN (trang 135)

- Dân chủ trong CNXH bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội, trong đó, **dân chủ trên lĩnh vực kinh tế là cơ sở**, dân chủ đó càng hoàn thiện bao nhiêu càng nhanh đến tiêu vong bấy nhiêu (cuối trang 135 – đầu trang 136)
- Dân chủ XHCN có bản chất cơ bản như sau:
 - + Bản chất chính trị:
 - Là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội... thực hiện quyền và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân (trang 136)
 - Dân chủ XHCN mang tính **nhất nguyên về chính trị** (cuối trang 136)
 - V.I.Lênin diễn đạt một cách khái quát rằng: “**Chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần**”
 - Xét về bản chất chính trị, dân chủ XHCN vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc (trang 138)

- + Bản chất kinh tế:
 - Đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân về các TLSX chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối (đầu trang 139)
 - Bản chất kinh tế của nền dân chủ XHCN là thực hiện chế độ công hữu về TLSX chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu (trang 139)
- + Bản chất tư tưởng – văn hóa xã hội:
 - Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng Mác – Lênin làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới (cuối trang 139)
- Với những bản chất nêu trên, dân chủ XHCN trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền XHCN, chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản (trang 140)

II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (trang 141)

1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN (trang 141)

a) Sự ra đời nhà nước của nhà nước XHCN (trang 141)

- Nhà nước XHCN ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (trang 141)
- Điểm chung giữa các nhà nước XHCN (cuối trang 142)
- Khái niệm nhà nước XHCN: phân in nghiêng đầu trang 143

b) Bản chất của nhà nước XHCN (trang 143)

- Về chính trị:
 - + Nhà nước XHCN mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động (trang 143)
 - + Sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự thống trị của đa số với thiểu số giai cấp bóc lột (cuối trang 143)
 - + Nhà nước XHCN là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động (đầu trang 144)
- Về kinh tế:
 - + Bản chất của nhà nước XHCN chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của XHCN, đó là chế độ sở hữu xã hội về TLSX chủ yếu (trang 144)
- Về văn hóa, xã hội:
 - + Nhà nước được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc (trang 144)

c) Chức năng của nhà nước XHCN (trang 144)

- Căn cứ vào **phạm vi tác động của quyền lực nhà nước**: chức năng đối ngoại và chức năng đối nội (cuối trang 144)
- Căn cứ vào **lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước**: chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... (đầu trang 145)
- Căn cứ vào **tính chất quyền lực của quyền lực nhà nước**: chức năng giai cấp (trấn áp) và chức năng xã hội (tổ chức và xây dựng) (đầu trang 145). Vấn đề quản lý và xây dựng kinh tế là then chốt, quyết định (trang 146)

2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN (trang 147)

a) Dân chủ XHCN là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước XHCN (trang 147 – 148)

Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ XNCN sẽ kiểm soát một cách hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn sự tha hóa của quyền lực nhà nước (trang 147)

b) Nhà nước XHCN trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân (trang 148)

Thế chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý (trang 148)

III. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM (trang 149)

1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam (trang 149)

a) Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam (trang 149)

- Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (trang 149)
- Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước (trang 150)
- Đảng khẳng định: “Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước” (trang 151)

b) Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam (trang 151)

- Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật đảm bảo. Nội dung này được hiểu là: (cuối trang 152)
 - + Dân chủ là mục tiêu của chế độ XHCN
 - + Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN
 - + Dân chủ là động lực để xây dựng CNXH
 - + Dân chủ gắn với pháp luật
- Bản chất dân chủ XHCN ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức:
 - + **Dân chủ gián tiếp:**
 - Là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức mà nhân dân trực tiếp bầu ra (trang 153)
 - Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm (trang 153)
 - + **Dân chủ trực tiếp:**
 - Là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội (trang 153)
- Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị – xã hội đều thực hiện phương châm “**dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra**” (trang 154)

2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (trang 155)

a) Quan niệm về nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (trang 155)

- Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật,... năng lực của chính mình (cuối trang 155)
- Khái niệm cụ thể về nhà nước pháp quyền: phần in nghiêng cuối đoạn đầu trang 156
- Đại hội XII, Đảng làm rõ: “**Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp**” (trang 157)

b) Đặc điểm Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (trang 157 – 158)

Có tất cả 6 đặc điểm

3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay (trang 159)

a) Phát huy dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay (trang 159 – 161)

Có tất cả 5 ý chính. Những ý cần nhớ:

- Ý 1: Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ XHCN (trang 159)
 - + Phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp (trang 159)
 - + Nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế (trang 159)
- Ý 2: Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, với tư cách **điều kiện tiên quyết** để xây dựng nền dân chủ XHCN Việt Nam (trang 160)

b) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN (trang 162 - 163)

Có tất cả 4 ý chính

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 165)

I. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 165)

1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội (trang 166)

a) Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp (trang 166)

- Khái niệm cơ cấu xã hội (đầu trang 166)
- Cơ cấu xã hội có nhiều loại như (đầu trang 166).
- Khái niệm cơ cấu xã hội – giai cấp (trang 166)
- Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, cơ cấu xã hội giai cấp là (đoạn cuối trang 166)
- Các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội – giai cấp gồm (cuối trang 166)

b) Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội (trang 167)

- Cơ cấu xã hội – giai cấp có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các cơ cấu xã hội khác vì những lí do là (trang 167)

2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu giai cấp trong thời kì quá độ lên CNXH (trang 168)

- Một là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH (trang 168):
 - + Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH với xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế sẽ có những biến đổi đa dạng (trang 169)
- Hai là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới (trang 170)
 - + Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp tri thức, giai cấp tư sản đã xuất hiện các tầng lớp xã hội mới như (cuối trang 171)
 - + Về mặt kinh tế, còn tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng, phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu kinh tế xã hội – giai cấp (trang 171)
- Ba là, cơ cấu xã hội – giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau (trang 171)

II. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 173)

Nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân thất bại vì đã không tổ chức liên minh với “**người bạn đồng minh tự nhiên**” (trang 173)

❖ Xét dưới góc độ chính trị: (trang 173)

- Cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau... là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp (cuối trang 173 – đầu trang 174)
- **Giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động** để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng XHCN (đầu trang 174)
- Từ thực tế Cách mạng tháng Mười Nga, Lênin đã khẳng định:
 - + Nguyên tắc xây dựng chuyên chính vô sản: “**Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là...chính quyền nhà nước**” (trang 174)
 - + Hình thức liên minh: “**Chuyên chính vô sản là hình thức liên minh đặc biệt...**” (đầu trang 175)
 - + Vai trò của tri thức trong khối liên minh: “**Trước sự liên minh...**” (cuối trang 175)

❖ Xét từ góc độ kinh tế: (trang 175)

- Liên minh được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (trang 176)
- Việc hình thành liên minh cũng xuất phát từ nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ (trang 176)

III. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (trang 177)

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam (trang 177)

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp vừa đảm bảo tính quy luật phổ biến vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam: (trang 177)
 - + **Tính quy luật phổ biến:** Sự biến đổi cơ cấu xã hội – giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế (đầu trang 178)
 - + **Tính đặc thù:** Sự biến đổi phức tạp, đa dạng của cơ cấu xã hội – giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội, thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp (trang 178)
- Vị trí, vai trò của các giai cấp tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định (cuối trang 178)
 - + **Giai cấp công nhân Việt Nam (cuối trang 178):**
 - Có vai trò quan trọng đặc biệt, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là lực lượng nòng cốt trong liên minh (trang 178)
 - Sự đa dạng của giai cấp công nhân không chỉ phát triển theo thành phần kinh tế mà còn phát triển theo ngành nghề (trang 179)
 - + **Giai cấp nông dân (cuối trang 179 – đầu trang 180):** có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới...
 - + **Đội ngũ tri thức (cuối trang 180):** là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...
 - + **Đội ngũ doanh nhân (trang 181):** phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô với vai trò không ngừng tăng lên, đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam (trang 182)

a) Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam (trang 183)

- Nội dung kinh tế của liên minh (trang 183): đây là nội dung cơ bản quyết định nhất
 - + Sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác...xây dựng nền kinh tế mới XHCN hiện đại (cuối trang 183)
 - + Xác định tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế..., xác định đúng cơ cấu kinh tế (trang 184)
 - + Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế (cuối trang 184)
- Nội dung chính trị của liên minh (trang 185):
 - + Giữ vững lập trường chính trị, tư tưởng; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo vệ vững chắc chế độ chính trị; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng đi lên CNXH (trang 185)
- Nội dung văn hóa – xã hội của liên minh (cuối trang 186):
 - + “Gắn tăng trưởng kinh tế với...công bằng xã hội” (trang 187)
 - + Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học (trang 187)

b) Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam (trang 187)

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 195)

I. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 196)

1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc (trang 196)

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin, dân tộc là. Các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao. Sự biến đổi của phương thức sản xuất là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc (đầu trang 196).
- Ở phương Tây, phương Đông dân tộc xuất hiện như thế nào (trang 196)
- Theo nghĩa rộng, dân tộc được hiểu là: phần in nghiêng cuối trang 196
- Theo nghĩa rộng, dân tộc có một số đặc trưng cơ bản sau:
 - + Thứ nhất, có chung một vùng lãnh thổ ổn định (trang 197): Đây là **yếu tố thể hiện chủ quyền của một dân tộc** trong tương quan với các dân tộc – quốc gia khác
 - + Thứ hai, có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế (cuối trang 197): **Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc** và là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên tảng vững chắc của dân tộc
 - + Thứ ba, có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp (trang 198)
 - + Thứ tư, có chung một nền văn hóa tâm lí (trang 198)
 - + Thứ năm, có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc) (trang 199)
- Theo nghĩa hẹp, dân tộc là: phần in nghiêng cuối trang 199
- Dân tộc – tộc người có một số đặc trưng cơ bản sau:
 - + Cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói) (trang 200): **Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau**
 - + Cộng đồng về văn hóa (trang 200)

- + Ý thức tự giác tộc người (cuối trang 200): **Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người**

2. Chủ nghĩa Mác Lênin về vấn đề dân tộc (trang 201)

a) Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc (trang 201)

- Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập (cuối trang 201): thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc
- Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau (trang 202)
- Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng trên có những biểu hiện rất đa dạng, phong phú: trong phạm vi một quốc gia (trang 202), trong phạm vi quốc tế (cuối trang 202)

b) Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin (trang 203)

- Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng (đầu trang 204): là quyền thiêng liêng của các dân tộc, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết
- Hai là, các dân tộc được quyền tự quyết (trang 204):
- Quyền tự quyết của dân tộc bao gồm: quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, quyền tự liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng (cuối trang 204)
- Ba là, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc (trang 205): phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp

2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam (trang 206)

a) Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam (trang 206)

- Thứ nhất, có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người (trang 206)
- Thứ hai, các dân tộc cư trú xen kẽ nhau (cuối trang 206): Tính chất chuyển cư làm cho dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng
- Thứ ba, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có chiến lược quan trọng (trang 207)
- Thứ tư, các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều (cuối trang 207)
- Thứ năm, các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc – quốc gia thống nhất (trang 208): Đoàn kết dân tộc đã trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam
- Thứ sáu, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất (trang 209)

b) Quan điểm và chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc (trang 209)

❖ Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc (trang 209)

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài (trang 210)
- Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển,... (trang 210)
- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... (đầu trang 211)
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi (trang 211)
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân (trang 211)

❖ Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam (trang 211)

- Về chính trị (trang 211): Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển

- Về kinh tế (trang 212): Các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số
- Về văn hóa (trang 212): Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- Về xã hội (cuối trang 212): Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an toàn xã hội
- Về an ninh – quốc phòng (đầu trang 213): Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị,...
- Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính toàn diện, cách mạng và tiến bộ, mang tính nhân văn sâu sắc (trang 213)

III. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 214)

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về tôn giáo (trang 214)

a) Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo (trang 214)

- Bản chất của tôn giáo:
 - + Ăngghen cho rằng: “tất cả mọi tôn giáo... lực lượng siêu trần thế” (đầu trang 214)
 - + Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ rõ: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra (đầu trang 215)
 - + Về phương diện thế giới quan: Các tôn giáo mang tính duy tâm (trang 215)
 - + Khái niệm mê tín, dị đoan, mê tín dị đoan (trang 216)
- Nguồn gốc của tôn giáo:
 - + Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội (cuối trang 216)
 - + Nguồn gốc nhận thức (trang 217)
 - + Nguồn gốc tâm lí (trang 217)
- Tính chất của tôn giáo:
 - + Tính lịch sử của tôn giáo (trang 218): có sự hình thành, tồn tại và phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định
 - + Tính quần chúng của tôn giáo (trang 218): thể hiện ở số lượng tín đồ đông đảo và là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân
 - + Tính chính trị của tôn giáo (trang 219)

b) Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH (cuối trang 219)

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân (cuối trang 219)
- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng của tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo (trang 221): Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ... Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau...
- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo (trang 222)

2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay (trang 223)

a) Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam (trang 223 - 225)

- Có tất cả 5 đặc điểm, highlight những ý Thứ nhất, Thứ hai,...

b) Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn giáo hiện nay (trang 225)

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta (trang 225)
- Đảng, Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc (trang 226)
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng (trang 227)
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị (trang 227)
- Vấn đề theo đạo và truyền đạo (trang 228)

III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO VIỆT NAM (trang 228)

1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo Việt Nam (trang 228 – 232)

- a) Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo... (trang 229)
- b) Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống (trang 230)
- c) Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển... (trang 232)

2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay (trang 233 - 237)

- a) Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo... (trang 233)
- b) Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong... (trang 234)
- c) Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng... (trang 235)

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (chương 239)

I. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH (trang 239)

1. Khái niệm gia đình (trang 239)

- Khái niệm gia đình: dòng in nghiêng trang 241
- Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ: quan hệ hôn nhân (trang 240) và quan hệ huyết thống (trang 240)

2. Vị trí của gia đình trong xã hội (trang 241)

a) Gia đình là tế bào của xã hội (trang 241)

- Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội (trang 241)
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò gia đình rằng: “... **nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội... Hạt nhân của xã hội là gia đình**” (trang 242)
- Mức độ tác động của gia đình đối với xã hội phụ thuộc vào (trang 242)

b) Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên (trang 243)

c) Gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội (trang 243)

- Giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình đều coi trọng việc xây dựng và củng cố gia đình (cuối trang 244)
- Chủ trương bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ, một chồng, thực hiện sự bình đẳng trong gia đình, giải phóng phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “**Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng CNXH chỉ một nửa**” (đầu trang 245)

3. Chức năng cơ bản của gia đình (trang 245)

a) Chức năng tái sản xuất ra con người (trang 245)

- Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế (trang 245)

b) Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục (trang 246)

- Có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đến cuộc đời mỗi thành viên, từ lúc lọt lòng cho đến khi trưởng thành và tuổi già (cuối trang 246)

c) Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng (trang 247)

- Gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra TLSX và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên đặc thù là, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội (cuối trang 247 – đầu trang 248)

d) Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình (trang 249)

- Đây là chức năng thường xuyên của gia đình (trang 249)
- Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa (cuối trang 249), chức năng chính trị (đầu trang 250)

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 250)

1. Cơ sở kinh tế - xã hội (trang 250)

- Là sự phát triển của LLSX và tương ứng trình độ của LLSX là QHSX mới, xã hội chủ nghĩa (trang 250)
- Cốt lõi của QHSX mới ấy là chế độ sở hữu XHCN với TLSX từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về TLSX (trang 250)
- Xóa bỏ chế độ tư hữu về TLSX là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ (đầu đoạn 2 trang 251)

2. Cơ sở chính trị - xã hội (trang 252)

- Là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước XHCN (trang 252)
- **Nhà nước cũng chính là công cụ** xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đề nặng lên vai người phụ nữ... (trang 252)
- **Hệ thống chính sách, pháp luật thể hiện vai trò rõ nét nhất trong việc xây dựng và đảm bảo hạnh phúc gia đình:** Luật hôn nhân và gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, của các thành viên trong gia đình,.. (cuối trang 252 – đầu trang 253)

3. Cơ sở văn hóa (trang 253)

- Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng **hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân** từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội (trang 253)

4. Chế độ hôn nhân tiến bộ (trang 254)

- Hôn nhân tự nguyện (trang 254)
 - + Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện (đầu trang 254)
 - + Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa (cuối trang 254)
- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng (trang 255)
 - + Là tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu (trang 255)
 - + Thực hiện chế độ hôn nhân một vợ, một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng (đầu trang 256)
- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý (trang 256)
 - + Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân là sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại (trang 257)

III. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (trang 257)

1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH (trang 258)

- Sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu (đầu trang 258)
- Quy mô của gia đình: thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi (trang 258)

2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình (trang 259)

a) Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình (trang 259)

- Việc sinh đẻ được tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con (trang 259)
- Nhu cầu về con cái hiện nay: giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của các cặp vợ chồng (trang 260)

b) Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng (trang 260)

- Kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt (cuối trang 260 – đầu trang 261)
- Hiện nay, kinh tế gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân (trang 261)

c) Chức năng giáo dục (xã hội hóa) (trang 261)

- Giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình (cuối trang 261)
- Giáo dục gia đình phát triển theo xu hướng đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên (trang 262)
- Vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm (trang 262)

d) Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm (trang 262)

- Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em và người cao tuổi (trang 263)

3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình (trang 264)

- Trong gia đình Việt Nam hiện nay, ngoài mô hình người đàn ông – người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại (trang 265)

4. Phương hướng cơ bản xây dựng gia đình và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH (trang 266)

- Có tất cả 4 phương hướng, highlight những ý Thứ nhất, Thứ hai,...
- Lưu ý:
 - + Khái niệm gia đình văn hóa. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa ở Việt Nam được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX tại một địa phương của tỉnh Hưng Yên (đầu trang 268)